

### **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

#### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả

nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), áp dụng tỷ giá bán ra tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

**Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Các yêu cầu cần tuân thủ  |                               |                           | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                 | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh            |                           |                           |
|                                      |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |                           |
| 1                                    | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu | Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 07                 |
| 2                                    | Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế           | Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Cam kết trong đơn dự thầu |
| 3                                    | Năng lực tài chính                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                           |                               |                           |                           |
| 3.1                                  | Kết quả hoạt động tài chính <sup>(4)</sup>            | Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.<br><b>(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 08A                |
| 3.2                                  | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 <sup>(5)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 3.919.900.850 <sup>(6)</sup> VND.                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng             | Mẫu số 08A                |
| 3.3                                  | Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu           | Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao <sup>(7)</sup> , hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 846.698.583 <sup>(8)</sup> VND.<br>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng             | Mẫu số 08B, 08C           |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Các yêu cầu cần tuân thủ  |                               |                                                                 | Tài liệu cần nộp |
|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                          | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh            |                                                                 |                  |
|                                      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh                                       |                  |
|                                      |                                                                | nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:<br>- Giá trị: Tối thiểu 846.698.583 <sup>(8)</sup> VND;<br>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 31/01/2026;<br>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                           |                               |                                                                 |                  |
| 4                                    | Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự <sup>(9)</sup> | <b>1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A):</b> Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn <sup>(11)</sup> tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu: Loại công trình năng lượng "Đường dây và trạm biến áp" ( <b>được xác định theo mục 1.2.5.11 tại Bảng 1.2 Phụ lục I của Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021</b> ), cấp: IV hoặc cao hơn <sup>(12)</sup> có giá trị là (V): 1.411.164.305 <sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ<br>Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 05        |

**Ghi chú:**

(1) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

*(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm

tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

*Ví dụ:*

*- Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).*

*- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

**Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.**

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì

nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu =  $t \times$  (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).**

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu =  $30\% \times$  Giá gói thầu.**

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và có thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn 36 tháng, chủ đầu tư có thể quy định năm yêu cầu từ 03 năm đến 08 năm.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố...).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

*Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 2 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được coi là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.*

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:*

- + Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn  $5.000\text{ m}^2$ , có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn  $1.000\text{ m}^2$ , có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn  $12\text{ m}^2$

Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là  $50\% \times (2X)$  VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

## **2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật**

### **a) Nhân sự chủ chốt:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

### **Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)**

| STT | Vị trí công việc                                                                                                                                                                                                                                                       | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự <sup>(1)</sup>                                                                  | Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Chỉ huy trưởng công trường<br>(Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, từng thành viên liên danh phải có chỉ huy trưởng tương ứng với phần công việc đảm nhận, đối với thành viên liên danh chỉ cung cấp vật tư thiết bị thuần túy thì không cần đáp ứng yêu cầu này)  | 1        | 05 năm được tính theo chứng chỉ chỉ huy trưởng hoặc 02 hợp đồng ghi rõ chức vụ đảm nhận                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành Điện hoặc Xây dựng;</li> <li>- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chỉ huy trưởng công trường;</li> <li>- Đã làm chỉ huy trưởng công trình ít nhất 02 (hai) công trình đường dây và/ hoặc trạm biến áp trung, hạ áp có xác nhận của chủ đầu tư;</li> <li>- Có giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực;</li> <li>- Căn cước công dân và tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu (Hợp đồng lao động, hợp đồng kinh tế)</li> </ul> |
| 2   | Cán bộ phụ trách an toàn<br>(Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, từng thành viên liên danh phải có cán bộ phụ trách an toàn tương ứng với phần việc đảm nhận; đối với thành viên liên danh chỉ cung cấp vật thiết bị thuần túy thì không phải đáp ứng yêu cầu này) | 1        | Tối thiểu 3 năm theo chứng chỉ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực hoặc 1 Hợp đồng ghi rõ chức vụ đảm nhận | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực;</li> <li>- Căn cước công dân và tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu (Hợp đồng lao động, hợp đồng kinh tế)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ vào quy mô, tính chất cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù

hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)**

| STT | Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị                          | Số lượng tối thiểu cần có |
|-----|-------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1   | Xe cẩu tự hành (hoặc xe tải có gắn cẩu) $\geq 5$ tấn        | $\geq 01$ cái             |
| 2   | Các thiết bị, dụng cụ khác để phục vụ thi công gói thầu.... | 1                         |

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

**Phương pháp đánh giá: Đạt/không đạt:**

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

## BẢNG ĐÁNH GIÁ THEO PHƯƠNG PHÁP ĐẠT/KHÔNG ĐẠT:

### 1 Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thiết bị vật liệu xây dựng:

| TT         | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mức độ đáp ứng                                                                                          |                |                                                                                                                             |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đạt                                                                                                     | Chấp nhận được | Không đạt                                                                                                                   |
| <b>1.1</b> | <b>Tính đáp ứng của hàng hóa chào thầu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                         |                |                                                                                                                             |
| 1.1.1      | <p>Nhà thầu phải cung cấp thông số kỹ thuật chính: (Theo các yêu cầu trong quy định trong Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và Bảng đặc tính kỹ thuật của E-HSMT) đối với các mặt hàng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầu chì tự rơi</li> <li>- Chồng sét van</li> <li>- Tủ điện 0,4kV (bao gồm cả máy cắt hạ áp trong tủ 0,4kV)</li> <li>- Tủ bù hạ áp</li> <li>- Sứ cách điện đứng gồm</li> <li>- Chuỗi néo cách điện thủy tinh</li> <li>- Dây nhôm lõi thép</li> <li>- Cáp lực hạ thế</li> <li>- Cáp trung thế đơn pha</li> </ul> <p>Nhà thầu phải nêu rõ nhà sản xuất của các mặt hàng. Nhà thầu đề xuất 1 nhà cung cấp đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật.</p> | Phải có                                                                                                 | Không áp dụng  | Không có                                                                                                                    |
| 1.1.2      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không tự sản xuất hoặc chế tạo hàng hóa thì nhà thầu phải cung cấp Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương đối với các loại mặt hàng sau đây:</li> <li>- Cầu chì tự rơi</li> <li>- Chồng sét van</li> <li>- Tủ điện 0,4kV</li> <li>- Tủ bù hạ áp</li> <li>- Sứ cách điện đứng gồm</li> <li>- Chuỗi néo cách điện thủy tinh</li> <li>- Dây nhôm lõi thép</li> <li>- Cáp lực hạ thế</li> </ul>                                                                                               | Có cung cấp: Nhà thầu đính kèm tài liệu này trong E-HSMT hoặc xuất trình tài liệu trước khi ký hợp đồng | Không áp dụng  | Không cung cấp: Nhà thầu không đính kèm tài liệu này trong E-HSMT hoặc không xuất trình được tài liệu trước khi ký hợp đồng |

| TT    | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mức độ đáp ứng |                |           |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|-----------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đạt            | Chấp nhận được | Không đạt |
|       | <p>- Cấp trung thế đơn pha</p> <p><i>Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm tài liệu này trong E-HSDT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có tài liệu này. Việc nhà thầu không đính kèm tài liệu nêu trên không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình được một trong các tài liệu nêu trên để ký hợp đồng thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</i></p>      |                |                |           |
| 1.1.3 | <p>- Cung cấp tài liệu để chứng minh Nhà sản xuất có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong việc sản xuất hàng hóa đối với các loại mặt hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầu chì tự rơi</li> <li>- Chống sét van</li> <li>- Tủ điện 0,4kV (bao gồm cả máy cắt hạ áp trong tủ 0,4kV)</li> <li>- Tủ bù hạ áp</li> <li>- Sứ cách điện đứng gổm</li> <li>- Chuỗi néo cách điện thủy tinh</li> <li>- Dây nhôm lõi thép</li> <li>- Cấp lực hạ thế</li> <li>- Cấp trung thế đơn pha</li> </ul> <p><i>(Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh số năm kinh nghiệm như: Hợp đồng hoặc giấy xác nhận của chủ đầu tư hoặc biên bản đóng điện nghiệm thu đưa vào vận hành, hoặc tài liệu tương đương).</i></p> | Phải có        | Không áp dụng  | Không có  |

| TT    | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mức độ đáp ứng |                |           |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|-----------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt            | Chấp nhận được | Không đạt |
| 1.1.4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có xác nhận của khách hàng là chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành về việc hàng hóa sau đây đã được sử dụng thành công 02 công trình tối thiểu 02 năm đối với các mặt hàng:</li> <li>- Cầu chì tự rơi</li> <li>- Chống sét van</li> <li>- Tủ điện 0,4kV (bao gồm cả máy cắt hạ áp trong tủ 0,4kV)</li> <li>- Tủ bù hạ áp</li> <li>- Sứ cách điện đứng gồm</li> <li>- Chuỗi néo cách điện thủy tinh</li> <li>- Dây nhôm lõi thép</li> <li>- Cáp lực hạ thế</li> <li>- Cáp trung thế đơn pha</li> </ul> | Phải có        | Không áp dụng  | Không có  |
| 1.1.5 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 còn hiệu lực hoặc tương đương của nhà sản xuất đối với hàng hóa chính chào thầu:</li> <li>- Cầu chì tự rơi</li> <li>- Chống sét van</li> <li>- Tủ điện 0,4kV (bao gồm cả máy cắt hạ áp trong tủ 0,4kV)</li> <li>- Tủ bù hạ áp</li> <li>- Sứ cách điện đứng gồm</li> <li>- Chuỗi néo cách điện thủy tinh</li> <li>- Dây nhôm lõi thép</li> <li>- Cáp lực hạ thế</li> <li>- Cáp trung thế đơn pha</li> </ul>                                | Phải có        | Không áp dụng  | Không có  |
| 1.1.6 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản thí nghiệm mẫu (type test) theo quy định của TCVN, IEC hoặc tương đương quy định tại Chương V cho các mặt hàng dưới đây để chứng minh tính đáp ứng đầy đủ các thông số thể hiện trong hồ sơ thiết kế được duyệt:</li> <li>- Cầu chì tự rơi</li> <li>- Chống sét van</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                  | Phải có        | Không áp dụng  | Không có  |

| TT  | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mức độ đáp ứng                           |                          |                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đạt                                      | Chấp nhận được           | Không đạt                           |
|     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tủ điện 0,4kV (bao gồm cả máy cắt hạ áp trong tủ 0,4kV)</li> <li>- Tủ bù hạ áp</li> <li>- Sứ cách điện đứng gổm</li> <li>- Chuỗi néo cách điện thủy tinh</li> <li>- Dây nhôm lõi thép</li> <li>- Cáp lực hạ thế</li> <li>- Cáp trung thế đơn pha</li> </ul>                                                |                                          |                          |                                     |
| 1.2 | <b>Đối với Cột điện ly tâm:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp đầy đủ chứng chỉ ISO 9001 hoặc tài liệu tương đương của nhà sản xuất.</li> <li>- Có chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam.</li> <li>- Giấy xác nhận của 02 khách hàng là chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành về việc sử dụng hàng hóa thành công.</li> </ul> | Phải có                                  | Không áp dụng            | Không có                            |
|     | <b>Đánh giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đạt tất cả các mục 1.1 (riêng mục 1.1.5, | Chấp nhận được mục 1.1.5 | Không đạt ít nhất 1 trong 1 mục 1.1 |

## 2. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu                                                                       | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                      |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.1. Hiểu biết về điều kiện tự nhiên, vị trí và nhận thức đầy đủ về mặt bằng thi công. | Hiểu về điều kiện tự nhiên; vị trí của công trình; Biết về thuận lợi và khó khăn mặt bằng thi công, và có các phương án phối hợp giải quyết giữa địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu để phục vụ quá trình thi công, phương án đền bù đất thi công... | Đạt       |
|                                                                                        | Không am hiểu địa bàn, không có phương án phối hợp giữa địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu trong quá trình thi công, mặt bằng thi công                                                                                                              | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.2. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, vị trí lấy mẫu và biện pháp bảo quản thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công                                                                                                                                                           | Có giải phương án tổ chức mặt bằng, giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Có đầy đủ kế hoạch bố trí kho bãi, lán trại trong biện pháp thi công được nêu trong HSDT của nhà thầu.                                         | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Không trình bày tổ chức công trường, hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.                                                                                                                              | Không đạt |
| 2.3. Thi công:<br>- Phần đường dây trên không:<br>+ Đào móng cột, đổ bê tông móng cột.<br>+ Lắp dựng cột.<br>+ Kéo rải dây dẫn.<br>+ Lắp đặt xà, sứ, tiếp địa, phụ kiện.<br>+ Thu hồi VTTB cũ.<br>- Phần tuyến cáp ngầm (nếu có):<br>+ Đào rãnh cáp.<br>+ Lắp đặt thiết bị, phụ kiện, hoàn thiện rãnh cáp.<br>- Phần trạm biến áp: (nếu có)<br>+ Lắp đặt máy biến áp;<br>+ Lắp đặt tủ điện hạ thế;<br>+ Đấu nối hoàn thiện. | - Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.<br>- Trình bày và cam kết việc sử dụng công nghệ hotline thi công các nội dung công việc không phải thực hiện cắt điện trên lưới trong phạm vi dự án (nếu có).                | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | - Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.<br>- Không Trình bày và cam kết việc sử dụng công nghệ hotline thi công các nội dung công việc không phải thực hiện cắt điện trên lưới trong phạm vi dự án (nếu có). | Không đạt |
| 2.4. Giải pháp phá dỡ, tháo dỡ các công trình cũ (nếu cần)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.                                                                                                                                                                                 | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.                                                                                                                                                                        | Không đạt |
| 2.5. Biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị bố trí nhân sự đầy đủ, chi tiết và hợp lý                                                                                                                                                                                                        | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Không nêu biện pháp bảo đảm tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị và công tác bố trí nhân sự                                                                                                                                                                                                                    | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng                                                             |           |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Kết luận         | Các tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6 được xác định là đạt. | Đạt       |
|                  | Không thuộc các trường hợp nêu trên.                                       | Không đạt |

### 3. Biện pháp tổ chức thi công

| Nội dung yêu cầu                                                                | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                  |           |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 3.1. Biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị                        | Có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị bố trí nhân sự đầy đủ, chi tiết và hợp lý                                                             | Đạt       |
|                                                                                 | Không nêu biện pháp bảo đảm tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị và công tác bố trí nhân sự.                                                                        | Không đạt |
| 3.2. Biện pháp thi công móng cột, lắp dựng cột, cách điện, phụ kiện, kéo dây... | Có nêu biện pháp thi công móng, lắp dựng cột, kéo dây đầy đủ, chi tiết theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật. Có các bản vẽ thể hiện rõ các phương án thi công. | Đạt       |
|                                                                                 | Không nêu biện pháp thi công các hạng mục công việc chính như thi công móng cột, lắp dựng cột, kéo dây lắp cách điện phụ kiện theo yêu cầu                       | Không đạt |
| Kết luận                                                                        | Các tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2 được xác định là đạt.                                                                                                           | Đạt       |
|                                                                                 | Không thuộc các trường hợp nêu trên.                                                                                                                             | Không đạt |

### 4. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                        | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                    |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 120 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 120 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.                                                                               | Đạt       |
|                                                                                                                         | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 120 ngày                                                                                                                   | Không đạt |
| 4.2. Tính phù hợp:<br>a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công.<br>b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công     | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). Các thiết bị, nhân sự phù hợp phương án thi công nhà thầu chào, phù hợp với yêu cầu tiến độ của dự án | Đạt       |
|                                                                                                                         | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). Bố trí nhân lực không phù hợp với tiến độ thi công                                                                          | Không đạt |
| 4.3. Biểu tiến độ thi công hợp                                                                                          | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù                                                                                                                   | Đạt       |

| Nội dung yêu cầu                                                                                                          | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT                                                      | hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |
|                                                                                                                           | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.                                                                                                                                                                                           | Không đạt |
| 4.4. Tiến độ thi công trong thời gian mất điện khi thi công công trình đảm bảo chỉ số độ tin cậy SAIDI của lưới phân phối | Trên cơ sở số liệu SAIDI về thời gian mất điện trung bình của của lưới điện phân phối đã được đơn vị tư vấn tính toán trong hồ sơ của dự án (nếu có). Nhà thầu tính toán thời gian mất điện khi thi công công trình hoặc có cam kết (theo biểu mẫu) đảm bảo về thời gian mất điện trung bình khi thi công xây dựng công trình | Đạt       |
|                                                                                                                           | Nhà thầu không tính toán thời gian mất điện khi thi công công trình hoặc không có cam kết đảm bảo về thời gian mất điện trung bình khi thi công xây dựng công trình                                                                                                                                                           | Không đạt |
| 4.5 Hệ thống kiểm soát ra vào công trường và giám sát quá trình thi công                                                  | Nhà thầu có cam kết (theo biểu mẫu) trang bị hệ thống kiểm soát nhân sự ra vào công trường để kiểm soát nhân sự ra vào công trường phục vụ kiểm tra giám sát tại công trường.                                                                                                                                                 | Đạt       |
|                                                                                                                           | Nhà thầu không cam kết trang bị hệ thống kiểm soát nhân sự ra vào công trường phục vụ kiểm tra giám sát tại công trường.                                                                                                                                                                                                      | Không đạt |
| 4.6 Hệ thống CNTT phục vụ quản lý và phê duyệt tài liệu kỹ thuật:                                                         | Nhà thầu có cam kết (theo biểu mẫu) trang bị thiết bị công nghệ thông tin để kết nối với hệ thống quản lý của chủ đầu tư phục vụ phê duyệt tài liệu kỹ thuật của gói thầu/dự án.                                                                                                                                              | Đạt       |
|                                                                                                                           | Nhà thầu không cam kết trang bị thiết bị công nghệ thông tin để kết nối với hệ thống quản lý của chủ đầu tư phục vụ phê duyệt tài liệu kỹ thuật của gói thầu/dự án.                                                                                                                                                           | Không đạt |
| Kết luận                                                                                                                  | Các tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6 được xác định là đạt.                                                                                                                                                                                                                                                    | Đạt       |
|                                                                                                                           | Không thuộc các trường hợp nêu trên.                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Không đạt |

## 5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mức độ đánh giá                                                                                                |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>– Quản lý chất lượng vật tư: các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản.</li> <li>– Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công (đào, đắp đất, cốt thép, bê tông, chống thấm, lắp đặt thiết bị...): quy trình lập biện pháp thi công, thi công, kiểm tra, nghiệm thu, lập hồ sơ hoàn công.</li> <li>– Tổ chức phòng thí nghiệm, thiết bị kiểm tra.</li> <li>– Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão.</li> <li>– Sửa chữa hư hỏng và bảo hành công trình.</li> </ul> | - Trình bày đầy đủ các yêu cầu về quản lý bảo đảm chất lượng trong công tác thi công đúng quy trình, quy phạm. | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Không nêu các biện pháp bảo đảm chất lượng trong công tác thi công ở biện pháp thi công công trình.            | Không đạt |
| Kết luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.                                                                      | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Không thuộc các trường hợp nêu trên.                                                                           | Không đạt |

#### 6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu                                                                                   | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                         |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 6.1. An toàn lao động                                                                              |                                                                                                                                                                        |           |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công       | Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                                                                             | Đạt       |
|                                                                                                    | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 6.2. Phòng cháy, chữa cháy                                                                         |                                                                                                                                                                        |           |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.                                                                       | Đạt       |
|                                                                                                    | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi | Không đạt |

|                                                                                                        |                                                                                                                                                                                        |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                                                                                                        | công                                                                                                                                                                                   |           |
| 6.3. Vệ sinh môi trường                                                                                |                                                                                                                                                                                        |           |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.                                                                             | Đạt       |
|                                                                                                        | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| Kết luận                                                                                               | Các tiêu chuẩn chi tiết 6.1, 6.2, 6.3 được xác định là đạt.                                                                                                                            | Đạt       |
|                                                                                                        | Không thuộc các trường hợp nêu trên.                                                                                                                                                   | Không đạt |

## 7. Uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                             |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 7.1. Bảo hành công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Có cam kết bảo hành công trình 18 tháng kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng hoặc 24 tháng kể từ ngày đóng điện. Tùy theo điều kiện nào đến trước.                                                                          | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Không có cam kết bảo hành công trình 18 tháng kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng hoặc 24 tháng kể từ ngày đóng điện. Tùy theo điều kiện nào đến trước.                                                                    | Không đạt |
| 7.2. Theo kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu hàng năm hoặc đột xuất được các chủ đầu tư trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt và đăng tải lên Hệ thống thông tin quản lý đấu thầu của EVN <a href="https://dauthau.evn.com.vn">https://dauthau.evn.com.vn</a> (theo Quyết định số 61/QĐ-EVN ngày 27/01/2023 của EVN về việc ban hành quy | Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh) <b>không có</b> hợp đồng tương tự trước đó bị đánh giá là “Không đạt” hoặc <b>không có</b> từ hai (02) hợp đồng tương tự trước đó trở lên bị đánh giá là “Cảnh báo”. | Đạt       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh) <b>có</b> hợp đồng tương tự trước đó bị đánh giá là “Không đạt” hoặc <b>có</b> từ hai (02) hợp đồng tương tự trước đó trở lên bị đánh giá là “Cảnh báo”.             | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu                                                                                                         | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| định về công tác đánh giá chất lượng nhà thầu thực hiện hợp đồng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam)              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |
| 7.3. Uy tín của nhà thầu trong quá trình thi công các công trình tương tự trước đó thuộc EVN (trong các 03 năm gần nhất) | Không có vi phạm dẫn đến phải đình chỉ thi công công trình hoặc chậm tiến độ công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đạt       |
|                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vi phạm quy trình an toàn phải đình chỉ thi công công trình hoặc làm phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu, hoặc</li> <li>- Thiếu nhân sự thực hiện gói thầu (Nhà thầu huy động nhân sự đã cam kết cho công trình khác) dẫn đến chủ đầu tư có Biên bản đình chỉ thi công công trình hoặc phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu hoặc</li> <li>- Nhà thầu bị chủ đầu tư đình chỉ thi công do lỗi của nhà thầu <math>\geq 2</math> lần trong một hợp đồng hoặc</li> <li>- Vì bất kỳ lý do nào khác mà chủ đầu tư phát hiện Nhà thầu không thực hiện theo đúng cam kết trong hồ sơ dự thầu dẫn đến bị đình chỉ thi công hoặc phải ra hạn hợp đồng do lỗi của nhà thầu hoặc.</li> <li>- Có 01 hợp đồng chậm tiến độ hoàn thành mà chủ đầu tư không gia hạn hợp đồng (không phân biệt chủ đầu tư) hoặc</li> <li>- Nhà thầu bị chủ đầu tư thu hồi bảo lãnh dự thầu gói thầu xây lắp (không phân biệt chủ đầu tư).</li> </ul> | Không đạt |
| Kết luận                                                                                                                 | Tiêu chí 7.1, 7.2, 7.3 được xác định là đạt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đạt       |
|                                                                                                                          | Không thuộc Tiêu chí 7.1, 7.2, 7.3 được xác định là không đạt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) đều được đánh giá là đạt. E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là đạt thì sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá tài chính.

Trường hợp E-HSDT phần kỹ thuật không đạt một trong các tiêu chí tổng quát (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

##### *4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:*

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm: thuế, phí, lệ phí cấp phép công trình (nếu có), chi phí bảo hiểm công trình (nếu có), chi phí vận chuyển, bốc dỡ, vận chuyển vật tư thiết bị, vật tư thu hồi, chi phí nhân công, máy thi công... phục vụ xây dựng công trình.

- Giá đề xuất giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm thuế GTGT

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát (1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7) đều được đánh giá là đạt. E-HSĐT của nhà thầu được đánh giá là đạt thì sẽ được tiếp tục xem xét về tài chính.

Trường hợp E-HSĐT không đạt một trong các tiêu chí tổng quát (1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7) thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

---

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.